

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CÀNG LONG
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2024/DS-ST

Ngày: 19-8-2024

V/v “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về
mua bán tài sản*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CÀNG LONG, TỈNH TRÀ VINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1/ Ông Kiên Ngọc Minh

2/ Ông Nguyễn Văn Điền

- Thư ký phiên tòa: Bà Quách Thúy Lam - Thư ký Tòa án nhân dân huyện
Càng Long.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long tham gia phiên tòa:
Ông Phạm Văn Tính - Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 8 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh
Trà Vinh mở phiên tòa xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số:
297/2024/TLST-DS, ngày 05 tháng 4 năm 2024, về vụ: “*Tranh chấp hợp đồng dân
sự về mua bán tài sản*” theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2024/QĐXXST-
DS ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự, quyết định hoãn phiên tòa số:
120/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn:* bà Phan Thị Thu N, sinh năm 1959 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp N, xã B, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

- *Bị đơn:*

1. Anh Nguyễn Quốc V, sinh năm 1992 (có đơn xin vắng mặt)

Nơi ĐKTT: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh. Chỗ ở hiện nay: ấp P, xã P,
huyện C, tỉnh Trà Vinh.

2. Chị Nguyễn Thị Bích T, sinh năm 1994 (có đơn xin vắng mặt)

Địa chỉ: ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện đề ngày 20 tháng 02 năm 2024, bản tự khai, quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn bà Phan Thị Thu N trình bày: Vào ngày 25/4/2018, vợ chồng anh Nguyễn Quốc V và chị Nguyễn Thị Bích T đến cửa hàng của bà Phan Thị Thu N mua một số vật dụng gồm 01 kệ ti vi, loại 1,6 m giá 5.800.000 đồng, 01 tấm niệm loại 1,6m giá 4.500.000 đồng, 01 gạc chén nhôm giá 3.000.000 đồng, 01 bàn thờ ông Thần T1 bằng gỗ giá 1.800.000 đồng. Tổng cộng lần mua này bằng 15.100.000 đồng. Hình thức mua bán trả góp, mỗi tháng anh V chị T hứa trả bằng 1.000.000 đồng. Lần mua này anh V, chị T có trả cho bà N được 2.000.000 đồng (ngày 10/9/2018 trả 500.000 đồng, ngày 07/12/2018 trả 500.000 đồng, ngày 15/02/2019 trả 500.000 đồng, ngày 07/4/2019 trả 500.000 đồng).

Đến ngày 20/6/2019, anh V, chị T mua thêm 02 giá võng(I) giá 400.000 đồng/cái, 02 cái bằng 800.000 đồng, 05 cái ghế đai bằng nhựa loại lớn(ghế bành) giá 180.000 đồng/cái bằng 900.000 đồng, 01 cái bàn nhựa vuông giá 200.000 đồng, 01 sào đồ bằng inox giá 170.000 đồng, 01 tủ nhựa loại lớn giá 1.800.000 đồng. Tổng số tiền của lần mua này là 3.870.000 đồng. Hình thức mua bán trả góp, mỗi tháng anh V chị T hứa trả bằng 1.000.000 đồng. Lần mua này anh V, chị T có trả cho bà N được 700.000 đồng (ngày 25/7/2019 trả 400.000 đồng, ngày 10/9/2019 trả 300.000 đồng).

Đến ngày 23/10/2022, anh V, T mua 01 giường hộp bằng cây tràm giá 4.500.000 đồng, 01 tấm niệm giá 1.800.000 đồng, 01 chiếc chiếu lát giá 150.000 đồng. Hình thức mua bán trả góp, mỗi tháng anh V chị T hứa trả bằng 1.000.000 đồng. Tổng số tiền của lần mua này là 6.450.000 đồng. Lần mua này chưa trả.

Tổng số tiền 03 lần mua anh V, chị T còn nợ bà N là 22.720.000 đồng. Do anh V, chị T không thực hiện đúng lời hứa mặc dù bà N đến nhà đòi nhiều lần nên bà N làm đơn đến chính quyền ấp P thì anh V, chị T hứa mỗi tháng sẽ trả cho bà N số tiền còn nợ bằng 500.000 đồng, anh V, chị T có trả được 02 lần bằng 1.000.000 đồng. Còn lại 21.720.000 đồng đến nay không trả.

Nay bà N yêu cầu anh V, chị T trả số tiền mua đồ dùng sinh hoạt trong gia đình như tủ, giường, ghế, kệ tivi, giá võng, niệm,... số tiền nợ là 21.720.000 đồng. Bà N1 không yêu cầu trả tiền lãi.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Nguyễn Quốc V, chị Nguyễn Thị Bích T đã được Tòa án tổng đạt hợp lệ văn bản tố tụng gồm: Thông báo thụ lý vụ án; các thông báo về phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; đối chất nhưng không đến Tòa án. Do đó, Tòa án tiến hành phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ vắng mặt đương sự và thông báo kết quả theo quy định của pháp luật. Tại phiên tòa ngày 30/7/2024, anh V, chị T vắng mặt không có lý do. Ngày 14/8/2024, anh V, chị T đến Tòa án và có lời khai xác nhận anh chị còn nợ bà N1 số tiền 21.720.000 đồng và đồng ý trả cho bà N1 số tiền này nhưng xin được trả dần mỗi tháng bằng 500.000 đồng và có đơn xin vắng mặt phiên tòa ngày 19/8/2024.

Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát:

Về tố tụng: Thẩm phán đã thực hiện đúng đầy đủ theo quy định của pháp luật tố tụng dân sự, trình tự khi thụ lý vụ án, việc giao nhận thông báo thụ lý cho Viện kiểm sát, đã thu thập chứng cứ đầy đủ, thời hạn chuẩn bị xét xử đúng quy định. Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Đối với các đương sự, nguyên đơn chấp hành nghiêm quyền, nghĩa vụ tố tụng; bị đơn chưa chấp hành nghiêm quyền, nghĩa vụ tố tụng vắng mặt tại các phiên họp kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hoà giải, đối chất.

Về nội dung vụ án: Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, VI đại diện Viện kiểm sát đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng các Điều 429, 430, 440, 468 Bộ Luật dân sự năm 2015; các Điều 26, 35, 39, 147, 228, 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Chấp nhận toàn bộ yêu cầu khởi kiện của bà Phan Thị Thu N.

Buộc anh V, chị T trả cho bà N số tiền 21.720.000 đồng.

Về lãi suất: Do bà N không yêu cầu nên không xem xét giải quyết.

Kể từ khi bản án có hiệu lực pháp luật hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án cho đến khi thi hành án xong các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí: Các bên đương sự phải chịu trừ trường hợp được miễn án phí theo quy định.

Yêu cầu, kiến nghị khắc phục vi phạm: không.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] *Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết:* Bà Phan Thị Thu N khởi kiện yêu cầu anh Nguyễn Quốc V, chị Nguyễn Thị Bích T có nơi cư trú ấp P, xã P, huyện C, tỉnh Trà Vinh trả tiền mua đồ dùng sinh hoạt trong gia đình còn nợ là 21.720.000 đồng. Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật Tố tụng dân sự xác định vụ án “*Tranh chấp hợp đồng dân sự về mua bán tài sản*” thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Càng Long, tỉnh Trà Vinh.

[2] *Về thủ tục tố tụng:* Tòa án đã tổng đạt đầy đủ hợp lệ văn bản tố tụng gồm quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 113/2024/QĐXXST-DS ngày 15 tháng 7 năm 2024 giữa các đương sự, quyết định hoãn phiên tòa số: 120/2024/QĐST-DS ngày 30 tháng 7 năm 2024 và giấy triệu tập đương sự cho đương sự nhận. Tại phiên tòa, bà N, anh V, chị T vắng mặt và có đơn yêu cầu xét xử vắng mặt. Do vậy, Hội đồng xét xử căn cứ Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt đương sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu của bà Phan Thị Thu N yêu cầu anh Nguyễn Quốc V, chị Nguyễn Thị Bích T trả tiền mua đồ dùng sinh hoạt trong gia đình còn nợ là 21.720.000 đồng, Hội đồng xét xử xét thấy:

[4] Từ tháng 4 năm 2018 đến tháng 10 năm 2022, anh V, chị T có mua mua đồ dùng sinh hoạt trong gia đình như tủ, giường, ghế, kệ tivi, giá võng, niệm,... của bà N và còn nợ số tiền 21.720.000 đồng. Tại biên bản hòa giải áp P, xã P vào ngày 25/10/2023(Bút lục số 07), anh V, chị T thừa nhận có nợ bà N số tiền mua vật dụng sinh hoạt trong gia đình là 22.720.000 đồng và cam kết mỗi tháng trả bằng 500.000 đồng cho đến khi hết nợ nhưng chỉ trả được 1.000.000 đồng (ngày 25/11/2023 trả 500.000 đồng, ngày 25/12/2023 trả 500.000 đồng). Còn lại 21.720.000 đồng đến nay không trả. Tại bản tự ngày 14/8/2024, anh V, chị T thừa nhận còn nợ bà N số tiền 21.720.000 đồng(bút lục 52). Việc anh V và chị T không thực hiện đúng nghĩa vụ trả tiền là vi phạm quy định tại Điều 440 Bộ luật dân sự. Do đó, bà N yêu cầu anh V, chị T giao trả số tiền 21.720.000 đồng còn nợ là có căn cứ nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về tiền lãi: Quá trình giải quyết vụ án, bà N không yêu cầu anh V, chị T trả tiền lãi nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Anh V, chị T phải chịu án phí án phí dân sự sơ thẩm đối với yêu cầu của bà N được chấp nhận.

[7] Xét ý kiến đề nghị của Viện kiểm sát nhân dân huyện Càng Long là phù hợp.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 3 Điều 26; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39; các Điều 147, 228, 271 và Điều 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự; Các Điều 280, 357, 430, 440 và Điều 468, Bộ luật dân sự năm 2015; Điều 26 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Phan Thị Thu N.

Buộc anh Nguyễn Quốc V, chị Nguyễn Thị Bích T hoàn trả cho bà Phan Thị Thu N số tiền 21.720.000 đồng (*Hai mươi một triệu, bảy trăm hai mươi nghìn*).

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án), hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật dân sự năm 2015.

Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc anh Nguyễn Quốc V, chị Nguyễn Thị Bích T nộp 1.086.000 đồng (Một triệu, không trăm tám mươi sáu nghìn đồng).

Án xử sơ thẩm công khai vắng mặt nguyên đơn, bị đơn; báo cho đương sự biết được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được tổng đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện huyện Càng Long;
- CCTHADS huyện Càng Long;
- Đương sự;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thị Trang